

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2021

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và
gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thêu.

2. Bà Hoàng Thị Len.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn H - sinh năm 1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H1, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị L - sinh năm 1996

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H1, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: gia đình bà Trần Thị V – thôn B, xã Đ1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Liên Bang Nga.

(Anh H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2021 và Bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng thì anh Vũ Văn H yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung với chị Đỗ Thị L và trình bày cụ thể như sau:

Anh H và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 07/01/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị L chung sống với nhau đến khoảng tháng 4/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Mỗi lần hai vợ chồng mâu thuẫn, chị L lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vì thương con còn nhỏ, anh H đã nhiều lần đến đón vợ về. Đến tháng 7/2018, sau một lần vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, để hai con lại cho anh H nuôi. Hơn hai tháng sau, chị L làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã Đ đề nghị Ủy ban nhân dân xã can thiệp để chị đón con lớn về nuôi. Từ đó, anh H và chị L chấm dứt hoàn toàn mọi mối quan hệ với nhau. Việc chị L đi lao động nước ngoài anh H không biết vì chị L không trao đổi, không bàn bạc gì với anh H. Anh không biết địa chỉ hiện tại của chị L ở nước ngoài. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Anh H và chị L có 02 con chung là Vũ Gia H2, sinh ngày 07/10/2016 và Vũ Thị Thu H3 sinh ngày 04/4/2018. Con H2 hiện đang do bà Trần Thị V – mẹ đẻ của chị L nuôi dưỡng, con Vũ Thị Thu H3 hiện đang do anh H nuôi dưỡng. Ly hôn, anh H đề nghị được tiếp tục nuôi con H3 và chị L tiếp tục nuôi con H2, nếu pháp luật cho phép, anh H đề nghị được nuôi cả hai con chung. Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

***/ Bà Trần Thị V, sinh năm 1963, nơi cư trú: thôn B, xã Đ1, huyện T, tỉnh Thái Bình (mẹ đẻ của chị Đỗ Thị L) trình bày:**

Về điều kiện kết hôn giữa anh H và chị L như anh H đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh H và chị L sinh sống tại nhà anh H đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, chị L không hợp tính với bố mẹ chồng và anh H nghe bố mẹ nên thường xuyên chửi bới, đánh đập chị L. Đến tháng 7/2018, anh H đã đuổi chị L về nhà bố mẹ đẻ chị L ở. Đến cuối năm 2018, chị L đi lao động tại Cộng hòa Liên bang Nga. Từ đó, anh H và chị L chấm dứt mọi quan hệ với nhau. Chị L hiện đang ở Liên bang Nga và vẫn liên lạc với bà và gia đình bà qua điện thoại và mạng xã hội Zalo. Bà V đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; văn bản yêu cầu bị đơn trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn... Bà đã thông báo cho chị L các văn bản đó, chị L nói với bà là chị nhất trí ly hôn anh H, chị L có nguyện vọng nuôi con Vũ Gia H2, anh H nuôi con Vũ Thị Thu H3. Vì dịch bệnh Covid 19, chị L không thể về nước để tham gia giải quyết vụ án. Bà đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định pháp luật để giải quyết. Bà V đã hỏi chị L địa chỉ của chị L tại nước ngoài nhưng chị L không cung cấp

vì cho rằng địa chỉ bằng tiếng nước ngoài, bà V không thể hiểu và không thể nhớ. Bà V đề nghị Tòa án gửi các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị L và anh H cho bà để bà thông báo lại cho chị L.

*** Công văn số 429/PA08 ngày 29/4/2021 của Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Bình** cung cấp: Chị Đỗ Thị L xuất cảnh ngày 22/11/2018, chưa có thông tin nhập cảnh vào Việt Nam.

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Về hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Vũ Văn H ly hôn chị Đỗ Thị L. Về quan hệ con chung: Đề nghị xử giao con chung Vũ Gia H2, sinh ngày 07/10/2016 và con chung Vũ Thị Thu H3, sinh ngày 04/4/2018 cho anh Vũ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án anh Vũ Văn H xin ly hôn chị Đỗ Thị L theo thủ tục chung, anh H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: cung cấp bản tự khai, đơn xin vắng mặt tại phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ, đơn đề nghị không hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt và các chứng cứ chứng minh. Bị đơn – chị Đỗ Thị L đã được Tòa án thông báo (thông qua thân nhân) các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và yêu cầu trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ, cung cấp địa chỉ cụ thể, chính xác của chị tại nước ngoài cho Tòa án nhưng chị L không cung cấp địa chỉ, không gửi văn bản trình bày ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án. Như vậy, chị L cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho thân nhân của chị L và đã niêm yết công khai tại Chính quyền địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng của chị L ở Việt Nam, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa,

Quyết định hoãn phiên tòa... để đảm bảo quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa cho chị L. Tuy nhiên chị L vẫn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt anh Vũ Văn H và chị Đỗ Thị L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Văn H và chị Đỗ Thị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/01/2016 - là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian đầu chung sống hòa thuận, sau đó đã sớm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống và tính tình trái ngược nhau. Từ tháng 7/2018, chị L về sống tại nhà bố mẹ đẻ và hai anh chị ly thân, không còn liên lạc, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Điều đó chứng tỏ anh chị không còn tình cảm và không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau trong cuộc sống.

Xét thấy, mâu thuẫn của anh H và chị L đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Văn H, xử cho anh Vũ Văn H ly hôn chị Đỗ Thị L là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh H và chị L có 02 con chung là Vũ Gia H2, sinh ngày 07/10/2016 và Vũ Thị Thu H3, sinh ngày 04/4/2018. Chị L hiện đang sống và làm việc tại Liên bang Nga, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, cần giao hai con H2 và H3 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Chị L có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi chị về Việt Nam và có điều kiện nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; 273; 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn H được ly hôn chị Đỗ Thị L.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao con Vũ Gia H2, sinh ngày 07/10/2016 và Vũ Thị Thu H3, sinh ngày 04/4/2018 cho anh Vũ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Anh H, chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0002094 ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh H và chị L. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình